

Bản án số: **01/2021/HS-ST**

Ngày 19/01/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM BÌNH, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Cao Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Tiên Dũng và bà Vi Thị Nhâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Ma Ngọc Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Tuyên Quang;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Ma Công Đăng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2020/HSST ngày 30 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **HOÀNG VĂN Q**, tên gọi khác: Không, sinh năm 1977;

- ĐKHKTT, chỗ ở: Tổ dân phố K, thị trấn D, huyện S, tỉnh Tuyên Quang;

- Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 02/12; Dân tộc: Cao Lan;

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

- Con ông Hoàng Đức M và bà Trần Thị L (đều đã chết);

- Vợ: Vương Thị Th, sinh năm 1978 (đã ly hôn);

- Con: Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2003;

- Anh chị em ruột: Có 07 người, bị cáo là con thứ 6;

- Tiền án: Ngày 19/9/2017, bị Tòa án nhân dân huyện S xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội trộm cắp tài sản; chấp hành xong bản án ngày 05/10/2018.

- Tiền sự: Không.

- Nhân thân:

- Ngày 17/4/2007, bị Tòa án nhân dân huyện S xử phạt 06 tháng tù về tội đánh bạc.

- Năm 2013, bị đưa vào cơ sở giáo dục Thanh Hà (thời gian 02 năm). Tháng 5/2015, trở về địa phương.

* Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/11/2020, hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện L, *có mặt*.

*** Người bị hại:**

- Anh Hoàng Văn Th, sinh năm 1988, trú tại thôn P, xã B, huyện L, tỉnh Tuyên Quang, *có mặt*.

*** Người Làm chứng:**

- Ông Ma Công C, sinh năm 1952, *vắng mặt*;

- Anh Quan Văn N, sinh năm 1976, *có mặt*;

Cùng trú tại: Thôn P, xã B, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

- Ông Mai Xuân M, sinh năm 1952;

Trú tại: Thôn N, xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, *vắng mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ, ngày 25/5/2019, Hoàng Văn Q, sinh năm 1977, trú tại Tổ dân phố K, thị trấn D, huyện S, tỉnh Tuyên Quang đến nhà anh Quan Văn N, trú tại thôn P, xã B, huyện L, tỉnh Tuyên Quang chơi (Q và anh N biết nhau khi cùng chấp hành án trong trại giam). Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 26/5/2019, Q, anh N và anh Hoàng Văn Th (cùng thôn với anh N) cùng đi ra quán của anh Quan Văn T ăn sáng, Q đã làm quen với anh Th; khi đi anh Th điều khiển chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Sirius biển số 22B1-328.95, còn Q và anh N đi bộ.

Ăn sáng xong anh N, anh Th và Q về nhà anh Th uống nước, anh Th để xe dưới gầm sàn, chìa khóa vẫn cắm trong ổ khóa. Mọi người uống nước được khoảng hai phút thì anh N đi về, Q nằm ở Võng nhà anh Th. Khi anh N ra về thì có ông Ma Công C (ở cùng thôn) đến nhà anh Th chơi. Anh Th ra phía sau nhà làm việc, ông C ngồi ở bàn uống nước, Q nằm trên võng, lúc này khoảng 07 giờ 30 phút cùng ngày. Quan sát thấy anh Th không nhìn thấy mình, Q nảy sinh ý định trộm cắp xe của anh Th nên đứng dậy nói để ông C nghe: “*Đi tìm lạc lược về nhâm*”, ông C nghe Q nói vậy tưởng Q là bạn của anh Th đi mua lạc thật nên không phản ứng gì. Q dắt xe BKS 22B1-328.95 của anh Th ra đường, nổ máy và điều khiển xe mô tô đến nhà ông Mai Xuân M, trú tại thôn N, xã H, huyện C nghỉ ở đó.

Anh Th làm việc xong đi lên nhà thấy ông C ngồi một mình, không thấy Q và chiếc xe mô tô của mình, anh Th hỏi ông C, được ông C nói “*cái thằng ngồi ở võng lấy xe của mày đi, bảo là đi mua lạc hay mua gì về ăn*”. Anh Th đi tìm nhưng không thấy Q, anh Th đến nhà anh N nói cho N biết nội dung sự việc. Anh N thấy trong túi chiếc quần bò của Q để lại tại nhà mình có một tờ lịch ghi số điện thoại 03529787829, anh N gọi vào số điện thoại đó hỏi thì biết đó là số điện thoại của ông M nên anh N hỏi về Q, lúc đó Q đang ở nhà ông M, nghe thấy có người gọi điện thoại tìm mình, lo sợ bị bắt giữ Q vội nổ máy xe đi đến thôn Đ, xã V, huyện S và Q làm quen với ông Trần Văn T, trú tại thôn Đ, xã V, huyện S, Q ngủ nhờ tại nhà ông T. Khoảng 08 giờ sáng ngày 27/5/2019, Q nói với ông T là xe hết xăng và mượn xe ông T đi mua xăng, ông T giao chiếc xe mô tô biển số 22S1 - 081.95 của mình cho Q, Q để lại chiếc xe mô tô biển số 22B1 - 328.95 trộm của anh Th và điều khiển chiếc xe mô tô của ông T đi đến thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc bán cho một cửa hàng xe máy cũ (Q không nhớ tên cửa hàng và địa chỉ cụ thể) được 1.800.000 đồng.

Tại Thông báo kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTS ngày 14/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện L, kết luận: Trị giá chiếc xe mô tô biển số 22B1-328.95 của anh Th do Q trộm cắp có giá trị là 5.193.400đ (*Năm triệu một trăm chín mươi ba nghìn bốn trăm đồng*).

* Vật chứng vụ án: Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã thu giữ chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Sirius biển số 22B1-328.95. Ngày 26/6/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã trả lại cho chủ sở hữu là anh Hoàng Văn Th.

Cáo trạng số 11/CT-VKSLB ngày 28/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Hoàng Văn Q để xét xử về Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phần luận tội, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Hoàng Văn Q phạm tội Trộm cắp tài sản. Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn Q từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Hoàng Văn Th đã nhận lại tài sản (xe mô tô), tại phiên tòa sơ thẩm người bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, do vậy không đề nghị xem xét.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo của bị cáo, bị hại theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Hoàng Văn Q nhất trí với nội dung bản cáo trạng truy tố và nhất trí với luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, không có ý kiến tranh luận gì. Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét xử mức án thấp nhất.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người bị hại Hoàng Văn Th xác định Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã trả lại chiếc xe mô tô do bị cáo trộm cắp cho bị hại. Về trách nhiệm dân sự không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, về trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc theo đúng quy định của pháp luật, ngoài ra bị hại không yêu cầu, đề nghị gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố; của Kiểm sát viên tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp, phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa cũng như tại Cơ quan điều tra, bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, phù hợp các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ căn cứ để kết luận: Ngày 26/5/2019, bị cáo Hoàng Văn Q đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô biển số 22B1-328.95 của anh Hoàng Văn Th, trú tại thôn P, xã B, huyện L, tỉnh Tuyên Quang. Trị giá chiếc xe mô tô là 5.193.400 đồng (*Năm triệu một trăm chín mươi ba nghìn bốn trăm đồng*). Do vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện L truy tố bị cáo về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Xét về tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật và nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, song với bản tính ham chơi lười lao động bị cáo đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, tội phạm đã hoàn thành. Hành vi phạm tội

của bị cáo đã gây mất ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong nhân dân. Bị cáo có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, năm 2017 bị Tòa án nhân dân huyện S xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Bị cáo có một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “ *người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”, quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung, Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo đã có một tiền án về tội trộm cắp tài sản, có nhân thân xấu, sau khi phạm tội đã bỏ trốn gây khó khăn cho công tác xử lý tội phạm, điều đó cho thấy ý thức tu dưỡng rèn luyện của bị cáo kém. Xét thấy cần thiết phải xét xử bị cáo mức án nghiêm minh trước pháp luật, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, như vậy mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, đồng thời nhằm răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Hoàng Văn Th đã nhận lại tài sản (xe mô tô), không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, do vậy không xem xét, giải quyết.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có công ăn việc làm ổn định, không có tài gì có giá trị, do vậy không áp dụng phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

[6] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự, hình phạt:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Văn Q phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Văn Q **01 (một)** năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 11/11/2020.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 135,136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ điểm m khoản 2 Điều 61; điểm m khoản 2 Điều 62; Điều 331, 332, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 19/01/2021.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện L;
- Công an huyện L;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- Phòng PV 27 Công an tỉnh TQ;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND thị trấn D;
- Bị cáo, bị hại;
- Hồ sơ THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Cao Tiến

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Tiến Dũng - Vi Thị Nhâm

Hoàng Cao Tiến

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Lâm Bình;
- Công an huyện Lâm Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- Phòng PV 27 Công an tỉnh TQ;
- Chi cục THADS huyện Lâm Bình;
- UBND thị trấn Sơn Dương;
- Bị cáo, bị hại;
- Hồ sơ THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Cao Tiến

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Tiến Dũng - Vi Thị Nhâm

Hoàng Cao Tiến

